**TẬP 3**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 3 - Chủ đề Tìm nhà 집구하기**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| **#S1. Phòng KTX**  [Hà và Hayun đang ở trong phòng KTX, Hà ngồi làm trên máy tính, Hayun thì xem điện thoại.]  Trên màn hình là mấy trang web bất động sản.  Hà quay qua nói với Hayun  Hà: 하윤아! 우리 집을 구해서 이사할까? Hayun này! Hay bọn mình tìm nhà ở ngoài rồi chuyển ra ngoài ở đi?  Hayun: 왜? 기숙사에 사는 게 더안전하고 좋지 않을까? Sao vậy? Ở ký túc xá chẳng phải an toàn và tốt hơn sao?  Hà: 좋긴 한데 좀 불편해. 아르바이트가 늦게 끝나면 통금 시간에 걸리기도 하고.Tốt thì tốt nhưng hơi bất tiện. Nếu mà làm thêm xong muộn thì lại dính giờ giới nghiêm.  Hayun: 음~ 맞네... 미키도 아직 집을 못 구했는데 같이 살자고 할까? Ừ, cũng đúng. Miki cũng tìm được nhà, hay ta rủ bạn ấy ở cùng luôn nhỉ?  Hà: 나도 그렇게 생각했어. 그래서 아까부터 부동산 사이트 보고 있었어. Tớ cũng nghĩ vậy. Vậy nên nãy giờ tớ xem trang web bất động sản này.  Hayun tiến lại nhìn vào màn hình của Hà.  Hà: 이런 원룸은 어때? 깔끔해 보이고 가격도 비싸지 않은 것 같아. Căn một phòng này thế nào? Trông có vẻ gọn gàng mà giá chắc cũng không đắt lắm.  Hayun: 세 명이 살면.. 원룸은 **좁지 않을까?** 적어도 투룸은 **필요할 것 같은데.** 3 người ở thì liệu one room có chật không? Ít ra chắc cũng cần nhà 2 phòng.  Hà: 투룸… 이 집 좋다... 방이 두 개 있고, 화장실 한 개, 주방도 있고. 창문이 크네, **여름에 시원할 것 같아.** 2 phòng... nhà này được đấy. Có 2 phòng ngủ, một nhà vệ sinh, có cả bếp. Cửa sổ lại to, chắc là mùa hè sẽ mát.  Hayun: 괜찮아 보이네... 위치가 어디야? Trông có vẻ được đấy. Vị trí ở đâu vậy?  Hà: 학교 후문 쪽에 있어... 멀지 않네. 직접 가서 볼까? Ở cổng sau của trường. Không xa lắm. Hay là ta đi xem trực tiếp nhỉ?  Hayun: 집을 직접 보려면 어디로 가야해? Muốn xem nhà trực tiếp thì phải đi đâu?  Hà: 후문에 공인중개사 사무소가 있어... 은행 옆에 있는데 오후에 가 보자. Ở cổng sau có văn phòng môi giới...Nó ở cạnh ngân hàng, chiều nay chúng ta đi thử xem.  Hayun: 미키한테 연락해볼게. Tớ sẽ liên lạc với Miki  미키야? 어디야? Miki à, cậu ở đâu đấy?  #**S2. 공인중개사사무소/ 오후 (Văn phòng môi giới/ chiều)**  사장: 어서오세요 어떤 집을 찾으세요? Xin mời vào! Các cháu tìm nhà như thế nào?  Hà: 세 명 같이 살려고 하는데 투룸이 있나요? Chúng cháu định ở 3 người, chú có nhà 2 phòng không ạ?  사장: 물론이죠! 원하시는 집을 말씀해 주세요. Tất nhiên rồi! Các cháu cứ nói ngôi nhà mà mình muốn đi.  Hayun: 일단 학교에서 가까워야 해요. Trước hết là phải gần trường ạ.  Miki (친구들한테) : 그리고 풀옵션이면 되지 않을까? Với cả có đầy đủ nội thất là được nhỉ?  (2 bạn gật đầu)  사장: (tìm tìm trên máy tính)학교에서 가깝고 풀옵션.... 근처에 두 집이 있는데 같이 보러 가 볼까요? Gần trường và đầy đủ nội thất...gần đây có hai căn, hay chúng ta cùng đi xem?  다 같이: 네! Vâng ạ!  사장: 네! 같이 가시죠. Vâng, vậy chúng ta đi thôi.  **#S3. Nhà 1**  사장: 자, 들어오세요. 여기가 투룸입니다. 방이 두 개 있고, 부엌과 화장실 한 개, 발코니도 있어요. 풀 옵션이고 투룸 중에서는 제일 좋은 집이에요. 학교까지 걸어서 5분정도니까 아주 가깝지요. Mời vào trong này. Đây là căn hai phòng. Có hai phòng, có bếp và một nhà vệ sinh, có cả ban công nữa. Đây là căn tốt nhất trong số các căn hai phòng đầy đủ nội thất đấy. Đi bộ tới trường cũng mất khoảng 5 phút thôi nên là rất gần.  Hà: 와! 생각보다 넓고 깨끗하네요. 가구와 세탁기 가전제품도 다 있어! 새로 지었나 봐요? Òa! Rộng và sạch sẽ hơn cháu nghĩ nhiều. Có cả đồ đạc, máy giặt và đồ điện tử nữa! Nhà này hình như là mới xây ạ?  사장: 네, 신축 건물이라서 깨끗해요. 모든 옵션이 새 제품이에요. 마음에 드시죠? Đúng vậy, tòa nhà mới xây nên sạch sẽ lắm. Tất cả đồ đạc đều là mới hết. Các cháu thấy hài lòng chứ?  Miki: 네! 너무 좋네요… (quay qua Hà và Hayun): 어때? Vâng ạ! Rất thích ạ….Cậu thấy sao?  Hà: 나도 너무 좋아… Tớ cũng rất thích  Hayun: 근데 이렇게 좋은 집은 **비싸지 않을까?** Nhưng mà nhà đẹp thế này không phải là sẽ đắt tiền sao?  Miki: 이 집은 월세가 얼마예요? Nhà này tiền thuê tháng bao nhiêu ạ?  사장: 잠시만요. 이 집은 보증금 2천만 원에 월세 150만 원이에요. Chờ chú một chút...Nhà này đặt cọc là 20 triệu won, còn tiền thuê là 1,5 triệu won 1 tháng.  3 bạn trợn tròn mắt: 네? Sao cơ ạ?  Rồi quay qua nhìn nhau, lắc đầu ngao ngán  Hà: 혹시 다른 집도 볼 수 있을까요? Liệu có thể xem căn khác được không ạ?  사장: 아~~ 예! 그럼 이쪽으로 오세요! À ~~~ vâng! Vậy mời các cháu đi lối này!  Huy đi trước dẫn đường, 3 bạn lẽo đẽo theo sau ... |
| 1. **HỘI THOẠI 2** |
| **S1. Trong khuôn viên trường ĐH/ ngày**  Huy đang ngồi đợi Hào.  Huy: 하윤아! Hayun!  Hayun: 오! 안녕, 여기서 뭐해? 누구 기다리고 있어? Ồ! Chào, Huy làm gì ở đây vậy? Đang đợi ai à?  Huy: 수하오 기다리고 있어… 나랑 기숙사에 살기로 했어… 재미있겠지? Tớ đang đợi Hào. Nó quyết định vào ở ký túc xá với tớ rồi. Sẽ vui lắm đúng không?  Hayun: 그래? 그럼 우리 없어도 외롭지 않겠네? Thế à? Vậy không có bọn tớ thì cậu cũng không còn cô đơn nữa rồi.  Huy: 없다니? 왜 없어...우리 다 같이 기숙사에서 재미있게 살아야지. Không có là sao? Sao lại không có...chúng ta phải sống thật vui vẻ cùng nhau ở KTX chứ.  Hayun: 나랑 탄하랑 이번 주말에 이사할 거야. 아까 집을 보고 왔어. Tớ và Thanh Hà sẽ chuyển nhà vào cuối tuần này. Bọn tớ vừa đi xem nhà về xong.  Huy (shock): 뭐라고? 갑자기 왜 이사가? 기숙사에 살면 학교에서 가까운데 얼마나 좋은데… Cái gì? Tự dưng sao lại chuyển? Sống trong KTX gần trường tốt vậy mà.  Hayun (ngồi xuống): 그래서 우리도 가까운 곳에 방을 구했어. 걸어서 10분도 안 걸려. Vậy nên, bọn tớ cũng đã tìm được căn nhà gần trường. Đi bộ không tới 10 phút đâu.  Huy: 학교에서 가까운 집이면 비싸지 않을까요? 비싸겠지. 기숙사는 가격도 싸고 편한데 자취방은 비싸고 불편해… Nhà ở gần trường thì chẳng phải là sẽ đắt sao? Đúng rồi, chắc là sẽ đắt. KTX thì vừa rẻ vừa tiện còn nhà trọ thì đắt và bất tiện.  Hayun: 안 불편해, 기숙사는 통금시간도 있고 사람이 많아서 더 불편하지 않을까? Không hề bất tiện, KTX có thời gian giới nghiêm với cả đông người nên chẳng phải là bất tiện hơn sao?  Huy: 통금시간이야 늦게 안 들어오면 되고, 사람이 많으면 재미있잖아. Giờ giới nghiêm thì chỉ cần không về muộn là được, còn đông người thì vui mà.  Hayun: 나는 사람 많은 건 별로야. 다음 달쯤 아르바이트를 구하려고 하는데 늦게까지 일할 수도 있어서 기숙사에 살면 안 될 것 같아. Tớ không thích đông người. Khoảng tháng sau tớ định kiếm việc làm thêm, có thể phải làm muộn nên chắc là sống ở ký túc xá thì không được.  Huy: 그럼 나는 누구랑 놀아? Vậy thì tớ chơi với ai?  하윤: 학교에서 만나서 놀면 되지 않을까? 수하오도 있잖아... Không phải gặp nhau rồi chơi ở trường là được à? Có cả Su Hào nữa còn gì.  Huy: 몰라! 나가서 잘 먹고 잘 살아... 다시는 기숙사에 오지마 ~~ Không biết đâu! Các cậu ra ngoài rồi ăn no sống tốt đi. Đừng có vào ký túc xá nữa.  Reng Reng! Tiếng điện thoại reo, Huy nghe điện thoại.  수하오: 형! 나 좀 늦을 것 같아… Anh ơi! Chắc là em đến muộn một chút.  Huy: 오지마!!! Đừng đến nữa!  Quay ra nói với Hayun: 너도 오지마! Cả cậu nữa, đừng có mà đến!  Nói rồi, Huy dỗi bỏ đi.  Hayun: 잘 가. Huy~~~ đi nhé!! |